TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 7 – 2024
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tiến

Bà Trần Thị Kiều Tôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2428/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1991

Địa chỉ: 2 V, B, V, Úc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (nhận các văn bản tố tụng của Tòa án): Chị Hồ Thị Cẩm V, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số C đường số D, Phường G, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh Trà Thanh L1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: 1, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (nhận các văn bản tố tụng của Tòa án): Anh Phạm Minh Q, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số C đường số D, Phường G, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 25/03/2024 và ngày 09/5/2024; Các bản tự khai ngày 25/03/2024 và 09/5/2024; Các đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 25/03/2024 và 09/5/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày như sau:

Chị và anh T Thanh long kết hôn năm 2023 trên cơ sở tự nguyên và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre. Trước khi đăng ký kết hôn, anh chị đã có thời gian tìm hiểu khoảng 1 năm. Sau khi đăng ký kết hôn, khoảng 3 tuần sau thì chị L về lại Úc để sinh sống và làm việc, anh L1 vẫn ở lại Việt Nam. Trong thời gian này vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua WhatsApp. Do khoảng cách địa lý, vợ chồng không thể gặp nhau nên tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm. Dù đã nhiều lần trao đổi, nói chuyện với nhau nhằm giải quyết những bất đồng, mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp về quan điểm và cách sống. Vợ chồng ngày càng ít liên lạc với nhau, không ai quan tâm ai. Chị L không còn tình cảm yêu thương gì với anh L1, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trà Thanh L1.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại chị đang sống và làm việc ở Úc nên không thể tham gia tố tụng, chị xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Tại bản tự khai đề ngày 09/4/2024 và Đơn xin vắng mặt đề ngày 09/4/2024, bị đơn anh Trà Thanh L1 trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày trong đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L về hoàn cảnh tiến tới hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống. Nay anh biết sự việc chị L nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh L1 đi làm ăn xa nên anh không thể tham gia giải quyết vụ việc ly hôn được. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết vắng mặt anh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trà Thanh L1 là ly hôn, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L hiện đang ở Úc; bị đơn anh Trà Thanh L1 có địa chỉ tại 119/GLO, G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và điểm

a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trà Thanh L1 xác lập hôn nhân với nhau vào năm 2023 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 19/6/2023 nên hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhận thấy, chị L và anh L1 cùng trình bày sau khi kết hôn thì khoảng 3 tuần chị L quay lại Úc làm việc, anh L1 thì ở lại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý vợ chồng không thể gặp nhau nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L1; khi biết chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh L1 trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 không thể hàn gắn, anh chị đã nhiều lần trao đổi, nói chuyện với nhau nhằm giải quyết những mâu thuẫn song vợ chồng không có tiếng nói chung trong quan điểm và cách sống. Hai bên nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh L1 đều xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án cũng không thể hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, việc chị L yêu cầu ly hôn với anh L1 là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh L1 đều trình bày thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh L1 đều thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L và anh L1 đều thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Trà Thanh L1.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trà Thanh L1.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trà Thanh L1 trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trà Thanh L1 trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trà Thanh L1 trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các bên đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005537 ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Trà Thanh L1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (2b);
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ (2b);
- Lưu hồ sơ (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lương